

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT TRANG 24,25 SÁCH BÀI TẬP NGỮ VĂN 6

CÁNH DIỀU

Trả lời câu hỏi Bài tập Tiếng Việt trang 24,25 SBT Văn 6 Cánh Diều, tập 1

Câu hỏi 1: Xác định nghĩa của các từ *bò, trong* ở mỗi trường hợp dưới đây:

Bò:

a) *Lo gì việc ấy mà lo*

Kiến trong miệng chén có bò đi đâu.

(Nguyễn Du)

b) *Ba tháng biết lẫy, bảy tháng biết bò, chín tháng lò dò biết đi.* (Tục ngữ)

c) *Tôi quên hết mọi việc, phi như bay về và thấy một chiếc xe bọc vải bạt bò, ọc ạch trên con đường làng chật hẹp.* (Hon-đa Sô-i-chi-rô)

Trong:

a) *Ngòi đầu cầu nước trong như lọc.*

(Đoàn Thị Điểm)

b) *Tiếng suối trong như tiếng hát xa.*

(Hồ Chí Minh)

c) *Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn làm nổi bật màu hồng của hai gò má.* (Nguyễn Hồng)

Phương pháp: Nhớ lại khái niệm về từ đa nghĩa nêu trong phần *Kiến thức ngữ văn* ở SGK: *Từ đa nghĩa là những từ có từ hai nghĩa trở lên.*

Lời giải chi tiết:

- Xác định nghĩa của từ *bò* ở mỗi cách dùng cụ thể:

+ a), *bò* (trong *Kiến trong miệng chén có bò đi đâu*) chỉ sự chuyển động thân thể ở tư thế bụng áp xuống bằng cử động của toàn thân hoặc những chân ngắn.

+ b) *bò* (trong ... *bảy tháng biết bò*) chỉ sự di chuyển cơ thể chậm chạp ở tư thế nằm sấp bằng cử động của hai tay và đầu gối.

+ c), *bò* (trong ... *một chiếc xe bọc vải bạt bò ọc ạch trên đường làng chật hẹp*) chỉ sự di chuyển một cách khó khăn, chậm chạp.

- Xác định nghĩa của từ *trong*.

+ a) *Trong* (trong *Ngòi đầu cầu nước trong như lọc*) chỉ trạng thái nước sạch, có thể nhìn xuyên qua lớp nước

+ b) *Trong* (trong *Tiếng suối trong như tiếng hát xa*) miêu tả sự thanh thoát nhẹ nhàng của âm thanh.

+ c) *Trong* (trong *Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong...*) chỉ trạng thái long lanh của đôi mắt.

Câu hỏi 2: (Bài tập 2, SGK) Tìm thêm ba từ chỉ bộ phận cơ thể người và kể ra một số ví dụ về sự chuyển nghĩa của chúng (sang nghĩa chỉ bộ phận của vật).

Phương pháp: Vận dụng kiến thức về từ chuyển nghĩa

Lời giải chi tiết:

Phân tích ví dụ mẫu đã cho (*Mũi: mũi dao, mũi súng, mũi đất, mũi quân, mũi thuyền*) ta thấy *mũi* là từ vốn chỉ bộ phận cơ thể người (cụ thể, chỉ bộ phận nhô lên ở giữa mặt người và động vật có xương sống, dùng để thở và ngửi) nhưng được chuyển nghĩa để chỉ:

a) bộ phận có đầu nhọn, nhô lên phía trước của một số vật: *mũi dao, mũi kim, mũi giày, mũi thuyền*;

b) mồm đất nhô ra: *mũi đất, mũi Cà Mau...*

c) bộ phận của lực lượng có nhiệm vụ tiến công theo một hướng nhất định: *mũi quân, mũi tiến công, mũi chủ lực...*

Dựa vào phân tích trên, ta tìm được các từ vốn chỉ bộ phận cơ thể người (*đầu, chân*) chuyển sang nghĩa chỉ bộ phận của vật:

- Chân: *chân bàn, chân ghế, chân núi, ...*

- Đầu: *đầu bảng, đầu tiên, đầu nguồn, ...*

Câu hỏi 3: (Bài tập 3, SGK) Tìm từ đa nghĩa, từ đồng âm trong những câu dưới đây:

a) **Chín:**

- *Quýt nhà ai chín đỏ cây*

Hỡi em đi học, hây hây má tròn.

(Tố Hữu)

- *Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.*

(Tục ngữ)

b) **Cắt:**

- *Nhanh như cắt, rùa há miệng đớp lấy thanh gươm rồi lặn xuống nước.* (Sự tích Hồ Gươm)

- *Việc làm khắp chốn cùng nơi*

Giục đi cắt cỏ vai tôi đã mòn.

(Ca dao)

- *Bài viết bị cắt một đoạn.* (Dẫn theo Hoàng Phê)

- *Chúng cắt lượt nhau suốt ngày vào cà khịa làm cho Trũi không chịu được.*

(Tô Hoài)

Phương pháp: Chú ý phân biệt từ đa nghĩa (*là từ có hai nghĩa trở lên*) với từ đồng âm (*là những từ có cách phát âm và viết chữ giống nhau nhưng có nghĩa khác nhau*).

Lời giải chi tiết:

a) Trong những câu ở a), ta có:

- Từ đa nghĩa *chín* với các nghĩa: (quả) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc màu vàng, có hương thơm (*Quýt nhà ai chín đỏ cây*); thành thạo, tinh thông nghề nghiệp (*Một nghề cho chín...*).
- Từ *chín* là tính từ với nghĩa: thành thạo, tinh thông (*Một nghề cho chín...*) đồng âm với *chín* là số từ chỉ số đứng ngay sau số tám, trước số mười (... còn hơn chín nghề).

b) Trong những câu ở b), ta có:

- Từ đa nghĩa *cắt* với các nghĩa: làm đứt bằng vật sắc (...*cắt cỏ*); tách ra một phần để bỏ bớt (*Bài viết bị cắt một đoạn*); phân chia nhau để làm việc gì theo sự luân phiên (*Chúng cắt lượt nhau suốt ngày vào cà khịa...*).
- Từ *cắt* là danh từ chỉ loài chim ăn thịt nhỏ hơn diều hâu, cánh dài và nhọn, bay rất nhanh (*nhANH như cắt*) đồng âm với *cắt* là động từ với các ý nghĩa chỉ ra ở trên.

Câu hỏi 4: Giải câu đố sau và chỉ ra các từ đồng âm được dùng trong đó:

Môm bò mà không phải môm bò.

(Câu đố Việt Nam)

Phương pháp: Vận dụng kiến thức về từ đồng âm khác nghĩa

Lời giải chi tiết:

a) Xác định nghĩa của từ *bò* trong các cụm từ *môm bò* ta thấy:

- Ở *môm bò* thứ nhất, *bò* là động từ (*chỉ sự di chuyển thân thể của động vật trên bề mặt*), còn ở cụm từ *môm bò* thứ hai, *bò* là danh từ (*chỉ loài động vật nhai lại, chân có hai móng, sừng rỗng và ngắn, nuôi để lấy sức kéo, thịt hoặc sữa*).

b) Giải câu đố: con ốc sên.

Câu hỏi 5: (Bài tập 4, SGK) Tìm các từ mượn trong những câu dưới đây.

Đối chiếu với nguyên dạng trong tiếng Pháp, tiếng Anh để biết nguồn gốc của những từ đó.

- Từ tiếng Pháp: *automobile, tournevis, carton, sou, képi, câble.*

- Từ tiếng Anh: TV (television).

a) *Đó lần đầu tiên tôi thấy ô tô.* (Hon-đa Sô-i-chi-rô)

b) *Lúc đó, tôi vô cùng cảm phục những chủ thợ điện với túi đồ nghề gồm kìm, tuốc nơ vít cột ngang lưng treo lên cột điện nối dây cáp.* (Hon-da Sô-i-chi-rô)

c) *Khi tôi đọc sách, mọi thông tin vào đầu tôi rất chậm, nhưng khi xem ti vi bằng tai và mắt thì tôi cảm nhận mọi việc nhạy bén hơn nhiều.* (Hon-đa Sô-i-chi-rô)

d) *Chọn lúc cả nhà không ai để ý, tôi lén lấy 2 xu để làm tiền lệ phí.* (Hon-đa Sô-i-chi-rô)

e) *Tôi khẩn khoản xin cha mua cho tôi một chiếc mũ kết và tự tay tôi làm một cặp kính đeo mắt của phi công bằng bìa các tông.* (Hon-đa Sô-i-chi-rô)

Phương pháp: Đối chiếu với nguyên dạng để tìm nguồn gốc các từ mượn

Lời giải chi tiết:

- Các từ mượn tiếng Pháp: *ô tô, tuốc nơ vít, cáp, xu, kết, các tông.*

- Các từ mượn tiếng Anh: *tivi.*

Câu hỏi 6: (Bài tập 6, SGK) Đọc văn bản dưới đây và viết một đoạn văn (khoảng 4 – 5 dòng) cho biết:

Theo tác giả, khái niệm “ngọt” trong tiếng Việt đã được nhận thức qua những giác quan nào?

VỀ TỪ “NGỌT”

Ngọt biểu thị một khái niệm không sao thiếu được trong đời sống vật chất cũng như tình cảm con người. Vừa mới ra đời, ta đã cần đến vị ngọt của dòng sữa mẹ. Lớn lên, ta càng dần hiểu thêm thế nào là lời nói ngọt. [...]

Đầu tiên, hãy nói đến cái nghĩa cơ bản, hoàn toàn vật chất của từ ngọt. [...] Ngọt của mía, của đường phèn, mật ong hoặc của trái cây chín khác với cái ngọt của bát canh cua, của nước dùng nấu bằng thịt, xương. [...]

Trong đây chuyên phát triển nghĩa của *ngọt*, ta khó lòng mà bỏ qua được một nhận xét khái niệm ngọt đã được con người lần lượt nhận thức qua năm giác quan. Từ cái ngọt nếm được bằng lưỡi, ta có cái ngọt ngửi thấy được

nhờ mũi, do hai giác quan này rất cần nhau: *thoảng qua một mùi gì ngọt ngọt, mùi thơm ngọt của dứa rồi cơ hồ ngọt có thể nhìn thấy bằng mắt giữa ngày xuân ngọt nắng, cái nắng vàng ngọt như mật []*; hay phối hợp cảm giác để thấy *dao bén ngọt, cắt cho ngọt tay liềm, [...]*. Từ đây, từ *ngọt* đã từ bỏ khá xa cái vị đường cụ thể ban đầu, và *ngọt* nghe được nhờ tai như *đàn ngọt hát hay, ngọt giọng* đã mang một ý nghĩa khá trừu tượng, tuy rằng *lời nói ngọt* chẳng qua cũng là *lời đường mật* mà ra, và trong lối so sánh ta vẫn dùng *nói ngọt như mía lùi* cứ y như là giữa hai cái *ngọt* này chưa bao giờ có sự chia tách về nghĩa vậy [...].

(Đào Thản, *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật* NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988)

Phương pháp: Đọc văn bản *Về từ “ngọt”*

Lời giải chi tiết:

Theo tác giả, khái niệm "ngọt" trong tiếng Việt được nhận thức qua những giác quan sau:

- Lưỡi (cảm nhận vị *ngọt của mía, đường phèn, ...*).
- Mũi (cảm nhận *mùi thơm ngọt của dứa*).
- Mắt (cảm nhận *cái nắng vàng ngọt như mật*).
- Tai (cảm nhận *lời nói ngọt, lời đường mật*)
- Phối hợp các giác quan (cảm nhận *dao bén ngọt, cắt cho ngọt tay liềm*).

Loigiaihay.com